

MỤC LỤC

TRANG

TRANG

PHẦN MỞ ĐẦU

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

PHẦN II: NỘI DUNG

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
đến ngày 31 tháng 03 năm 2011



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam lập ra từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam năm 2011 và được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam chấp thuận ngày 21 tháng 01 năm 2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**MỤC LỤC**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam lập ra từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam năm 2011 và được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam chấp thuận ngày 21 tháng 01 năm 2012.

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21

250  
IG  
EM  
DIT  
T N

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**


Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam lập ra từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam năm 2011 và được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam chấp thuận ngày 21 tháng 01 năm 2012.

- Kiểm tra, đánh giá, báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam.
- Kiểm tra, đánh giá, báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam.
- Kiểm tra, đánh giá, báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình nhân sự của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam.
- Kiểm tra, đánh giá, báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình pháp lý của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam.
- Kiểm tra, đánh giá, báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình quản lý rủi ro của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam lập ra từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam năm 2011 và được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam chấp thuận ngày 21 tháng 01 năm 2012.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam lập ra từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam năm 2011 và được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam chấp thuận ngày 21 tháng 01 năm 2012.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam lập ra từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam năm 2011 và được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam chấp thuận ngày 21 tháng 01 năm 2012.

  
Phạm Văn Đăng  
Ban Tổng Giám đốc

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Tôn Thiện Việt	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Vạn Thuận	Ủy viên
Ông Trần Văn Kim	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Ủy viên
Ông Trần Văn Quý	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2011)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Vạn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Khắc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

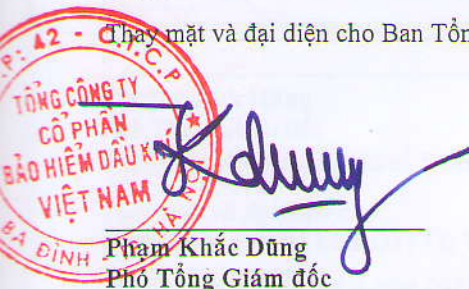
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
Phạm Khắc Dũng  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2011

Số: 594 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") từ trang 04 đến trang 21.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 10 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Khoản ủy thác đầu tư dài hạn của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011, khoản cho vay này đã quá hạn trả một phần gốc và lãi nhưng Tổng Công ty không trích lập dự phòng cho số nợ gốc quá hạn do các ngân hàng nhận ủy thác thực hiện theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền về việc tiếp tục cho vay và không đưa vào nợ xấu đối với khách hàng này.



**Trương Anh Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

**Trần Duy Cương**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DNBH**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>5.120.678.607.969</b>	<b>4.650.480.740.255</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>598.957.771.736</b>	<b>561.484.924.260</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		1.810.199.870	2.427.245.759
2. Tiền gửi ngân hàng	112		326.459.327.021	199.047.478.501
3. Tiền đang chuyển	113		688.244.845	10.200.000
4. Các khoản tương đương tiền	114		270.000.000.000	360.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>3.332.549.881.261</b>	<b>3.172.614.166.694</b>
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		121.039.416.948	117.552.583.807
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		3.256.622.320.600	3.087.894.367.100
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(45.111.856.287)	(32.832.784.213)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>1.143.050.793.897</b>	<b>863.700.928.596</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	937.503.694.150	731.751.142.540
2. Trả trước cho người bán	132		178.838.174.689	92.590.931.857
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		-	826.004.535
4. Các khoản phải thu khác	138		52.141.134.738	60.737.841.161
5. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(25.432.209.680)	(22.204.991.497)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>419.835.350</b>	<b>85.800.000</b>
1. Nguyên liệu, vật liệu	142		419.835.350	85.800.000
<b>V. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>45.700.325.725</b>	<b>52.594.920.705</b>
1. Tạm ứng	151		35.665.629.404	24.309.089.208
2. Chi phí trả trước	152		9.472.007.816	10.140.863.892
3. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		562.688.505	18.144.967.605
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240)	<b>200</b>		<b>1.770.152.003.668</b>	<b>1.802.621.718.182</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>91.724.742.482</b>	<b>89.375.217.491</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	46.794.901.237	46.047.206.340
<i>Nguyên giá</i>	212		115.934.645.738	112.220.314.737
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	213		(69.139.744.501)	(66.173.108.397)
2. Tài sản cố định vô hình	217	8	44.929.841.245	43.328.011.151
<i>Nguyên giá</i>	218		55.250.278.511	52.335.778.511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	219		(10.320.437.266)	(9.007.767.360)
<b>II. Các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>220</b>		<b>1.282.088.477.257</b>	<b>1.309.775.007.664</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	222	9	249.116.194.200	249.116.194.200
2. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228	10	1.096.115.166.466	1.096.115.166.466
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229	10	(63.142.883.409)	(35.456.353.002)
<b>III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>230.477.631.310</b>	<b>230.477.631.310</b>
<b>IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>165.861.152.619</b>	<b>172.993.861.717</b>
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn		12	156.793.144.364	164.081.910.726
3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		3.068.008.255	2.911.950.991
<b>TỔNG TÀI SẢN (250=100+200)</b>	<b>250</b>		<b>6.890.830.611.637</b>	<b>6.453.102.458.437</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DNBH**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)</b>	<b>300</b>		<b>3.188.931.330.537</b>	<b>2.845.714.660.847</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.828.140.928.367</b>	<b>1.656.186.306.367</b>
1. Phải trả người bán	313	13	756.071.348.632	664.613.209.604
2. Người mua trả tiền trước	314		9.110.295.887	4.491.878.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315		42.787.703.618	19.173.956.209
4. Phải trả công nhân viên	316		62.978.749.807	24.317.800.620
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	14	937.576.559.271	919.924.124.315
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		19.616.271.152	23.665.337.619
<b>II. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>330</b>	<b>15</b>	<b>1.358.512.316.820</b>	<b>1.187.236.883.380</b>
1. Dự phòng phí	331		961.341.317.200	856.099.323.880
2. Dự phòng bồi thường	333		318.049.867.364	263.105.850.886
3. Dự phòng dao động lớn	334		79.121.132.256	68.031.708.614
<b>III. Nợ khác</b>	<b>340</b>		<b>2.278.085.350</b>	<b>2.291.471.100</b>
1. Chi phí phải trả	341		11.000.000	18.363.250
2. Phải trả dài hạn khác	342		16.000.000	16.000.000
3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	343		2.251.085.350	2.257.107.850
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>3.701.899.281.100</b>	<b>3.607.387.797.590</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>		<b>3.701.899.281.100</b>	<b>3.607.387.797.590</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411	16	3.219.196.364.471	3.219.196.364.471
2. Chênh lệch tỷ giá	413		5.083.288.913	(9.463.613.253)
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		179.564.189.409	179.564.189.409
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		41.071.782.296	36.870.953.284
5. Lợi nhuận chưa phân phối	418	16	275.890.103.206	196.074.351.979
6. Cổ phiếu quỹ	419		(18.906.447.195)	(14.854.448.300)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>430</b>		<b>6.890.830.611.637</b>	<b>6.453.102.458.437</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DNBH

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/03/2011	31/12/2010
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	1.062.849.007.529	1.143.289.786.656
2. Thu đòi người thứ 3	VND	32.669.854.731	30.222.950.562
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	7.610.370,78	5.685.240,54
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	684,17	655,90



  
Phạm Khắc Dũng  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2011



Phùng Tuấn Kiên  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011

**MẪU SỐ B 02A-DNBH**  
Đơn vị: VND

**PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010
1. Thu phí bảo hiểm gốc	1		1.197.819.203.970	883.318.139.118
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	2		100.982.642.014	79.633.209.456
3. Các khoản giảm trừ	3		(658.882.545.741)	(587.687.512.956)
- Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm	4		(640.762.672.458)	(584.623.054.125)
- Hoàn phí	5		(17.890.410.544)	(3.047.562.095)
- Các khoản giảm trừ khác	7		(229.462.739)	(16.896.736)
4. (Tăng)/Giảm dự phòng phí	8		(105.241.993.320)	24.748.866.355
5. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9		45.140.096.703	31.547.352.388
6. Thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		2.627.145.590	1.968.528.988
<b>7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>582.444.549.216</b>	<b>433.528.583.349</b>
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		(210.796.949.090)	(179.360.183.174)
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(22.415.733.733)	(14.627.710.275)
10. Các khoản giảm trừ:	17		98.559.953.583	89.569.067.704
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		97.344.436.792	89.545.281.341
- Thu đòi người thứ ba	19		688.320.600	-
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		527.196.191	23.786.363
<b>11. Bồi thường thuộc phân trách nhiệm giữ lại</b>	<b>21</b>		<b>(134.652.729.240)</b>	<b>(104.418.825.745)</b>
12. Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	22		8.115.039.247	-
13. Tăng dự phòng bồi thường	23		(54.944.016.478)	(29.445.935.148)
14. Trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24		(19.204.462.889)	(11.258.421.971)
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		(49.639.019.232)	(45.740.380.269)
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		(15.511.843.349)	(15.618.889.908)
+ Chi hoa hồng	27		(7.948.285.726)	(10.000.566.640)
+ Chi giám định	28		(6.123.985.284)	(2.935.262.856)
+ Chi khác	33		(1.439.572.339)	(2.683.060.412)
- Chi khác hoạt động nhận tái bảo hiểm	34		(28.011.337.508)	(23.586.703.674)
+ Chi hoa hồng	35		(27.180.834.885)	(23.353.109.414)
+ Chi khác	38		(830.502.623)	(233.594.260)
- Chi khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		(6.115.838.375)	(6.534.786.687)
<b>16. Tổng chi trực tiếp kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>41</b>		<b>(250.325.188.592)</b>	<b>(190.863.563.133)</b>
<b>17. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>42</b>		<b>332.119.360.624</b>	<b>242.665.020.216</b>
18. Chi phí bán hàng	43		(193.959.464.736)	(121.910.684.708)
19. Chi phí quản lý	44		(48.556.419.532)	(38.146.652.051)
<b>20. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>45</b>		<b>89.603.476.356</b>	<b>82.607.683.457</b>
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46		136.627.345.293	131.373.315.664
22. Chi phí hoạt động tài chính	47		(115.552.512.072)	(116.203.831.420)
<b>23. Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>51</b>		<b>21.074.833.221</b>	<b>15.169.484.244</b>
24. Thu hoạt động khác	52		239.186.557	250.317.777
25. Chi hoạt động khác	53		(64.139)	(13.507.939)
<b>26. Lợi nhuận hoạt động khác</b>	<b>54</b>		<b>239.122.418</b>	<b>236.809.838</b>
<b>27. Lợi nhuận kế toán</b>	<b>55</b>		<b>110.917.431.995</b>	<b>98.013.977.539</b>
28. Thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17	(26.900.851.756)	(12.153.114.130)
<b>29. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>61</b>		<b>84.016.580.239</b>	<b>85.860.863.409</b>
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	529	829

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

**MẪU SỐ B 02A-DNBH**  
Đơn vị: VND

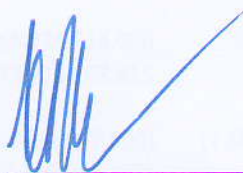
**PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

	<u>Phát sinh trong năm</u>			Số còn phải nộp tại ngày 31/03/2011
	Số còn phải nộp tại ngày 31/12/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.503.611.337	88.079.233.842	75.739.302.883	15.843.542.296
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.362.512.053	26.900.851.756	10.538.696.370	26.724.667.439
Tiền thuê đất và thuế nhà đất	-	64.064.000	64.064.000	-
Thuế môn bài	-	34.000.000	34.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	5.307.832.819	3.967.419.441	9.055.758.377	219.493.883
	<b>19.173.956.209</b>	<b>119.045.569.039</b>	<b>95.431.821.630</b>	<b>42.787.703.618</b>



  
Phạm Khắc Dũng  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2011



Phùng Tuấn Kiên  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DNBH**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ hoạt động từ ngày	Kỳ hoạt động từ ngày
		01/01/2011 đến ngày 31/03/2011	01/01/2010 đến ngày 31/03/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	1	1.070.224.650.694	800.061.142.363
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	2	70.098.229.592	73.680.450.651
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	3	1.152.169.328	1.839.558.542
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4	933.894.872.792	1.860.835.440.052
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	5	(174.748.077.843)	(293.996.818.772)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh BH	6	(482.927.959.074)	(260.658.865.265)
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	7	(126.989.626.419)	(240.311.005.356)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	8	(38.142.426.790)	(41.172.941.911)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	9	(95.493.202.179)	(62.733.066.916)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.006.606.373.369)	(1.768.918.772.282)
11. Tiền tạm ứng cho CBCNV và ứng trước cho người bán	11	(38.449.625.384)	(32.368.555.361)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>112.012.631.348</b>	<b>36.256.565.745</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	1.068.934.514.000	835.671.940.000
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	73.725.108.415	68.503.312.620
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23	-	10.000.000
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(1.237.662.467.500)	(1.605.470.014.000)
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(7.249.975.469)	(9.588.008.241)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(102.252.820.554)</b>	<b>(710.872.769.621)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu do đi vay	31	-	130.000.000.000
2. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	27.713.036.682	40.215.955.961
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>27.713.036.682</b>	<b>170.215.955.961</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>37.472.847.476</b>	<b>(504.400.247.915)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>561.484.924.260</b>	<b>1.478.791.102.325</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>598.957.771.736</b>	<b>974.390.854.410</b>



**Phạm Khắc Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2011

**Phùng Tuấn Kiên**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty”) là Tổng công ty cổ phần thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 và có thời hạn hoạt động là vô hạn.

**Các công ty thành viên và công ty liên kết**

Tổng Công ty có 25 Công ty Bảo hiểm Dầu khí (“PVI”) khu vực là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

PVI Thăng Long	PVI Tp. Hồ chí Minh	PVI Đà Nẵng	PVI Vũng Tàu
PVI Đông Đô	PVI Sài Gòn	PVI Bắc Trung Bộ	PVI Đông Nam bộ
PVI Hà Nội	PVI Bình Dương	PVI Nam Trung Bộ	PVI Tây Nam
PVI Nam Sông Hồng	PVI Sông Tiền	PVI Thanh Hoá	PVI Cà Mau
PVI Bắc Sông Hồng	PVI Tây Nguyên	PVI Khánh Hoà	PVI Duyên Hải
PVI Quảng Ninh	PVI Hải Dương	PVI Hùng Vương	PVI Bến Thành
PVI Phía Nam			

Tổng Công ty hiện có 4 công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI (PVI Invest)
- Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam (PV Media)
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa (PVST)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí (PVI Service)

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm các dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm phi nhân thọ, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 là 1.373 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.343).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam (PV Media) với tỷ lệ sở hữu là 74,4%. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 2785/NQ-DKVN ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty sẽ giảm dần tỷ lệ vốn góp của PV Media xuống khoảng 35% vốn điều lệ và Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định không nắm giữ khoản đầu tư này trong dài hạn. Vì vậy, Tổng Công ty đã phân loại khoản đầu tư này là “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì “Đầu tư vào công ty con” và không lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 03 năm 2011.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn lâu dài không khấu hao theo quy định hiện hành.

**Chênh lệch đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa**

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, “Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là TSCĐ vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Tổng Công ty áp dụng để ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 (trước cổ phần hóa) với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 8 năm kể từ năm 2009.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình mua sắm hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc, Tổng Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng đầu tư vào công ty liên kết dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các công ty liên kết và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 của các công ty này ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Đối với những chứng khoán niêm yết, Tổng Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Tổng Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá trung bình của các công ty chứng khoán sau: Công ty chứng khoán SSI, Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Á Châu, báo đầu tư chứng khoán và trang web [www.vietstock.vn](http://www.vietstock.vn)

Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên báo cáo tài chính gần nhất thu thập được của các công ty đó và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào về báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 của các công ty này ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập. Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khoản đầu tư vào công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng có các khoản lỗ theo kế hoạch.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục nguồn vốn, quỹ trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ (tiếp theo)**

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty Quý 1 năm 2011 giảm 14.546.902.166 đồng (Quý 1 năm 2010: giảm 987.573.391 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục nguồn vốn, quỹ trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31/03/2011 tăng 5.083.288.913 đồng so với áp dụng theo VAS10.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 (đã được thay thế bởi Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008), Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu kể từ khi bắt đầu hoạt động và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm cuối cùng Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nêu trên, từ năm 2011, Tổng Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thông thường là 25%.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế hoãn lại nào trên báo cáo tài chính được soát xét này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007, Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2009), theo đó:

Dự phòng phí: Từ năm 2011, dự phòng phí được trích lập theo phương pháp 1/24. Nếu Tổng Công ty vẫn tính dự phòng phí theo phương pháp tỷ lệ, dự phòng phí trích trong kỳ sẽ tăng 18.958.811.483 đồng. Năm 2010, mức trích lập dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá được tính bằng 25% mức phí giữ lại trong kỳ và bằng 50% mức phí giữ lại trong kỳ đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Theo đánh giá của Tổng Công ty, các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo không có thay đổi trọng yếu so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 nên Tổng Công ty vẫn giữ nguyên số liệu đầu kỳ.

Dự phòng dao động lớn: Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong kỳ.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc, trích lập Quỹ phúc lợi, khen thưởng; trích Quỹ thưởng ban điều hành. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa năm nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

*Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã phát sinh trách nhiệm và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều năm.

*Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm*

Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

*Đối với các hoạt động khác*

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như cho thuê nhà, lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

**Chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở thực thu được của doanh thu theo quy định của Bộ Tài chính với các khoản doanh thu phát sinh được khai thác qua đại lý bảo hiểm.

Các chi phí khác được ghi nhận khi phát sinh.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chứng khoán ngắn hạn	121.039.416.948	117.552.583.807
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	454.537.200.000	463.402.200.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	2.100.000.000.000	1.760.000.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn (*)	200.000.000.000	50.000.000.000
Hợp đồng đầu tư chứng khoán niêm yết (**)	502.085.120.600	814.492.167.100
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(45.111.856.287)	(32.832.784.213)
	<b>3.332.549.881.261</b>	<b>3.172.614.166.694</b>

(\*) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Tổng Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác.

(\*\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Tổng Công ty góp vốn với các đối tác để mua cổ phiếu niêm yết, Tổng Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro đầu tư, Tổng Công ty có quyền phong tỏa và quyền bán cổ phiếu để thu hồi vốn khi giá thị trường của cổ phiếu suy giảm 30% so với giá tham chiếu trong hợp đồng hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn một năm và có thể thanh lý trước hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	299.596.949.703	231.734.842.097
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	87.781.388.324	67.761.307.870
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	261.547.103.018	170.813.877.187
Phải thu về hoạt động tài chính	286.170.846.910	259.111.468.023
Các khoản phải thu khác của khách hàng	2.407.406.195	2.329.647.363
	<u>937.503.694.150</u>	<u>731.751.142.540</u>

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị: VND</i>			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	28.559.715.265	31.427.344.132	52.233.255.340	112.220.314.737
Tăng trong kỳ	-	3.448.700.181	886.775.288	4.335.475.469
Thanh lý	-	-	531.388.147	531.388.147
Giảm khác trong kỳ	-	-	89.756.321	89.756.321
Tại ngày 31/03/2011	<u>28.559.715.265</u>	<u>34.876.044.313</u>	<u>52.498.886.160</u>	<u>115.934.645.738</u>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	10.036.041.820	17.980.706.187	38.156.360.390	66.173.108.397
Trích khấu hao	313.020.365	1.117.311.386	2.157.448.821	3.587.780.572
Giảm trong kỳ	-	-	621.144.468	621.144.468
Tại ngày 31/03/2011	<u>10.349.062.185</u>	<u>19.098.017.573</u>	<u>39.692.664.743</u>	<u>69.139.744.501</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/03/2011	<u>18.210.653.080</u>	<u>15.778.026.740</u>	<u>12.806.221.417</u>	<u>46.794.901.237</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>18.523.673.445</u>	<u>13.446.637.945</u>	<u>14.076.894.950</u>	<u>46.047.206.340</u>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị: VND</i>		
	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	19.390.811.482	32.944.967.029	52.335.778.511
Tăng	2.914.500.000	-	2.914.500.000
Tại ngày 31/03/2011	<u>22.305.311.482</u>	<u>32.944.967.029</u>	<u>55.250.278.511</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	9.007.767.360	-	9.007.767.360
Trích khấu hao	1.312.669.906	-	1.312.669.906
Tại ngày 31/03/2011	<u>10.320.437.266</u>	<u>-</u>	<u>10.320.437.266</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/03/2011	<u>11.984.874.216</u>	<u>32.944.967.029</u>	<u>44.929.841.245</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>10.383.044.122</u>	<u>32.944.967.029</u>	<u>43.328.011.151</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	141.919.200.000	141.919.200.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	51.057.034.200	51.057.034.200
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	46.139.960.000	46.139.960.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>249.116.194.200</b>	<b>249.116.194.200</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (theo vốn thực góp) %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	Tp. Hà Nội, Việt Nam	37,2	37,2	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam (*)	Tp. Hà Nội, Việt Nam	74,4	74,4	Phát triển truyền thông, tiếp thị đa phương tiện, tổ chức sự kiện
Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	Tp. Lào Cai, Việt Nam	41,7	41,7	Dịch vụ Du lịch, vận chuyển, khách sạn, ăn uống
Công ty cổ phần Dịch vụ bảo hiểm dầu khí	Tp. Hà Nội, Việt Nam	22,2	22,2	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cứu hộ xe ô tô

(\*) Xem Thuyết minh số 2 - Cơ sở lập báo cáo tài chính.

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (*)	429.532.866.466	429.532.866.466
Trái phiếu	433.000.000.000	433.000.000.000
Ủy thác đầu tư (**)	233.582.300.000	233.582.300.000
<b>Tổng đầu tư dài hạn khác</b>	<b>1.096.115.166.466</b>	<b>1.096.115.166.466</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(63.142.883.409)	(35.456.353.002)
	<b>1.032.972.283.057</b>	<b>1.060.658.813.464</b>

(\*) Góp vốn cổ phần vào các công ty với thời hạn nắm giữ trên 1 năm.

(\*\*) Là số dư ủy thác cho vay có chỉ định mục đích sử dụng qua các ngân hàng thương mại. Theo hợp đồng ủy thác cho vay, Tổng Công ty được hưởng lãi suất thả nổi và chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011, khoản cho vay này đã quá hạn trả một phần gốc và lãi nhưng Tổng Công ty không trích lập dự phòng cho khoản gốc chậm trả do các ngân hàng nhận ủy thác thực hiện theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền về việc tiếp tục cho vay và không đưa vào nợ xấu đối với khách hàng này.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Xây dựng cao ốc văn phòng 20 Phạm Ngọc Thạch (TP. HCM)	15.585.745.534	15.585.745.534
Dự án tòa tháp văn phòng PVI tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	214.891.885.776	214.891.885.776
	<b>230.477.631.310</b>	<b>230.477.631.310</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	164.081.910.726	191.337.824.029
Tăng	527.363.303	653.628.440
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(7.816.129.665)	(7.566.780.666)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>156.793.144.364</b>	<b>184.424.671.803</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	105.545.398.911	134.716.031.674
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	33.189.023.054	44.482.745.737
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	36.732.425.134	42.491.344.602
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	485.913.189.472	390.451.777.974
Các khoản phải trả khác cho người bán	94.691.312.061	52.471.309.617
	<b>756.071.348.632</b>	<b>664.613.209.604</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	31/03/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	840.000.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	905.166.680.000	43.114.680.000
Phải trả khác	32.409.879.271	36.809.444.315
	<b>937.576.559.271</b>	<b>919.924.124.315</b>

**15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	01/01/2011	Trích bổ sung trong kỳ	Sử dụng trong kỳ	Đơn vị: VND 31/03/2011
Dự phòng phí	856.099.323.880	105.241.993.320	-	961.341.317.200
Dự phòng bồi thường	263.105.850.886	54.944.016.478	-	318.049.867.364
Dự phòng dao động lớn	68.031.708.614	19.204.462.889	8.115.039.247	79.121.132.256
	<b>1.187.236.883.380</b>	<b>179.390.472.687</b>	<b>8.115.039.247</b>	<b>1.358.512.316.820</b>

Số dự phòng dao động lớn sử dụng trong kỳ để bù đắp phần thiếu hụt trong trường hợp tổn thất thuộc phân trách nhiệm giữ lại lớn hơn phí giữ lại trừ (-) dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

## 16. NGUỒN VỐN

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Lợi nhuận chưa phân phối
Tại ngày 01/01/2011	1.597.103.640.000	1.622.092.724.471	3.219.196.364.471	196.074.351.979
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	84.016.580.239
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (*)	-	-	-	(4.200.829.012)
Tại ngày 31/03/2011	1.597.103.640.000	1.622.092.724.471	3.219.196.364.471	275.890.103.206

(\*) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007.

## Chi tiết vốn điều lệ:

	Vốn góp tại ngày 31/03/2011	
	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	831.497.400.000	52,06%
Công ty Funderburk Lighthouse Limited	202.075.000.000	12,65%
Cổ đông khác	563.531.240.000	35,29%
	<b>1.597.103.640.000</b>	<b>100,00%</b>

## 17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	110.917.431.995	98.013.977.539
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.407.548.008)	(855.064.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.407.548.008)	(752.564.500)
- Lãi công trái giáo dục	-	(102.500.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	93.523.039	66.000.000
- Thù lao Hội đồng quản trị	42.000.000	66.000.000
- Khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	51.523.039	-
Thu nhập chịu thuế	107.603.407.026	97.224.913.039
Thuế suất (*)	25,0%	12,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>26.900.851.756</b>	<b>12.153.114.130</b>

(\*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 4, năm 2010 là năm cuối cùng Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Từ năm 2011, Tổng Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thông thường là 25%.

## 18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

		Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	84.016.580.239	85.860.863.409
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	Cổ phiếu	158.870.817	103.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	529	829

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MÃ SỐ B 09-DNBH**  
 (Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011, Tổng Công ty có một hợp đồng cam kết mua văn phòng tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với tổng trị giá tạm tính là 54.954.000 USD. Giá trị phát sinh liên quan đến hợp đồng này là 214.891.885.776 đồng (Xem thuyết minh số 11)

Tại ngày 15 tháng 03 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital). Theo đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được phép chuyển nhượng toàn bộ 240.000 cổ phần đang nắm giữ, chiếm 24% vốn điều lệ PVFC Capital cho Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011, Tổng Công ty chưa hoàn tất giao dịch mua số cổ phần này.

**20. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 15 tháng 04 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án tái cấu trúc Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Dầu khí Việt Nam, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và kế hoạch tăng vốn điều lệ.

**21. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:*

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010 VND
<b>Ủy thác quản lý vốn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
- Nhận tiền ủy thác quản lý vốn	840.000.000.000	1.615.000.000.000
- Chi phí lãi ủy thác quản lý vốn	22.052.000.000	23.379.062.999
<b>Ủy thác đầu tư</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Thu nhập từ lãi ủy thác đầu tư</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	6.075.000.000	3.535.537.979
<b>Doanh thu từ việc cho thuê văn phòng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	217.567.350	169.542.450
<b>Giao dịch chứng khoán</b>		
Bán chứng khoán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển PVI	-	15.237.480.000
<b>Chi phí dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	2.764.797.500	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**21. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/03/2011 như sau:

	<u>31/03/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn</b>		
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	141.919.200.000	141.919.200.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam	51.057.034.200	51.057.034.200
Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Sa Pa	46.139.960.000	46.139.960.000
Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm dầu khí	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Ủy thác đầu tư</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển PVI	200.000.000.000	50.000.000.000
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển PVI	9.455.067.350	3.500.337.500
- Phải thu lãi ủy thác đầu tư	9.237.500.000	3.162.500.000
- Phải thu tiền cho thuê văn phòng	217.567.350	337.837.500
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	905.166.680.000	43.114.680.000
- Phải trả gốc ủy thác quản lý vốn	840.000.000.000	-
- Phải trả lãi ủy thác quản lý vốn	22.052.000.000	-
- Phải trả cổ tức	43.114.680.000	43.114.680.000

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ là 1.346.121.849 đồng (quý 1 năm 2010: 1.138.897.374 đồng).

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010.



*Phạm Khắc Dũng*  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2011

Phùng Tuấn Kiên  
Kế toán trưởng